HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 18/2022/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 07 tháng 12 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT
Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 276/BC-KTNS ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định về quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai.

2. Ngoài các nội dung được quy định tại Nghị quyết này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Nghị định 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai;

2. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công thực hiện phân cấp

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ, quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ (sau đây viết tắt là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ).

2. Xe ô tô;

3. Máy móc, thiết bị, xe máy và xe gắn máy, phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ.

4. Hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn được mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây viết tắt là hàng hóa, dịch vụ).

5. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc phân cấp

1. Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công nhằm đảm bảo việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với quy định của Nhà nước về phân cấp quản lý kinh tế - xã hội, quản lý ngân sách nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế, yêu cầu công tác quản lý tài sản công của tỉnh Lào Cai.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong thực hiện các quy định của Nhà nước và của tỉnh về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô;

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với tài sản của các cơ quan, đơn vị cấp huyện, cấp xã thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thị xã, thành phố (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đối với tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô;

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá từ 10 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

b) Xe ô tô;

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, nhà ở công vụ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này).

5. Đơn vị tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là một tài sản hoặc một đối tượng ghi sổ kế toán theo quy định của pháp luật về chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp, nhà ở công vụ; xe ô tô;

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 13. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô;

2. Giám đốc Sở Tài chính phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này);

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án do các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã làm chủ đầu tư (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do người có thẩm quyền tại địa phương quyết định tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô; tài sản do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tịch thu;

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cơ quan mình quyết định tịch thu (trừ tài sản là nhà, đất, xe ô tô);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc cấp huyện, cấp xã quyết định tịch thu (trừ tài sản là nhà, đất, xe ô tô).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (trừ tài sản quy định tại điểm a điểm b khoản 2 Điều 19. Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập sở hữu toàn dân) như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là bất động sản, xe ô tô.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp tỉnh chuyển giao (trừ tài sản là bất động sản, xe ô tô);

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản do cơ quan Thi hành án dân sự cấp huyện chuyển giao (trừ tài sản là bất động sản, xe ô tô).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản bị

chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế (trừ tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh):

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối tài sản bị đánh rơi, bỏ quên thuộc di tích lịch sử - văn hoá; bất động sản vô chủ, bất động sản không có người thừa kế;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các nội dung trong quản lý, sử dụng tài sản công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định đã được phê duyệt.

2. Đối với các nội dung trong quản lý, sử dụng tài sản công đang lập, trình thẩm định hoặc đã thẩm định nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 16. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khóa XVI - Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2022, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 10/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về ban hành quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu; UBTCNS của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực VII;
- Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND; Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT; HU, HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng TTĐT; Công báo; Báo Lào Cai; Đài PTTH tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc VP;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường